

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 353/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Mai Xuân A, sinh năm 1990, CCCD số 048090008230 cấp ngày 11/11/2021 và bà Lê Nhật T, sinh năm 1996, CCCD số 049196000809 cấp ngày 20/4/2021; cùng địa chỉ: K M, tổ B, phường N, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Mai Xuân A và bà Lê Nhật T kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường N, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 13/01/2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột và không hạnh phúc. Mặc dù nhiều lần cả hai đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ nhưng mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng không thể giải quyết. Nay, ông Mai Xuân A và bà Lê Nhật T cùng xác định không còn tình cảm và thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Mai Xuân A và bà Lê Nhật T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hai bên đều tự nguyện ly hôn, nên việc công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mai

Xuân A và bà Lê Nhật T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông A và bà T xác định xác định có 01 con chung tên Mai Xuân P, sinh ngày 31/5/2016. Thuận tình ly hôn ông A và bà T thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Ông Mai Xuân A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Mai Xuân P cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Lê Nhật T tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 05 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025.

Ông A và bà T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung*: Ông A và bà T xác định không có.

[4] *Về nợ chung*: Ông A và bà T xác định không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Mai Xuân A và bà Lê Nhật T mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 21 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mai Xuân A và bà Lê Nhật T. Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường N, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 13 tháng 01 năm 2016 không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung*: Ông Mai Xuân A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Mai Xuân P cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Lê Nhật T tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 05 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Mai Xuân A và bà Lê Nhật T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Mai Xuân A và bà Lê Nhật T đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005340 ngày 12/11/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- UBND phường Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Quốc Vũ